

Bản án số: 19/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 21 - 9 - 2021

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Huệ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Lan
2. Bà Cao Thị Hồng Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Quàng Thị Thu, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Thắm - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên; Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 122/2021/TLST - HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2021 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số: 14/2021/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2021 và số: 17/2021/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lương Thị M

Địa chỉ: Bản N, xã N, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. **(Vắng mặt)**

2. Bị đơn: Anh Quàng Văn H

Địa chỉ: Bản N, xã N, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên.

Hiện đang bị tạm giam tại: Nhà tạm giữ Công an huyện Đ, tỉnh Điện Biên.
(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 26/4/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:

- Về hôn nhân: Chị M và anh H có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện Đ (nay là thành phố Đ), tỉnh Điện Biên vào ngày 27/8/2014. Kết hôn trên cơ sở tự

nguyên. Sau khi kết hôn vợ chồng sống không hạnh phúc, thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, hay cãi nhau. Nguyên nhân là do anh H chơi bời, nghiện ma túy, không quan tâm đến vợ con. Hiện vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 2/2021 vì anh H bỏ đi đâu thi thoảng mới về nhà, cũng không bảo là đi đâu, bao giờ về. Chị M cũng đã tìm cách liên lạc với anh H để về vợ chồng tìm cách tháo gỡ mâu thuẫn, nhưng anh H không nghe máy. Anh H biết chị làm đơn ly hôn nhưng không chủ động về đề vợ chồng hàn gắn, không có thiện chí đoàn tụ, cố tình che giấu địa chỉ của mình. Sau phiên tòa ngày 15/9/2021 chị M cung cấp thông tin việc anh H hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Đ. Đến nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị M yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ giải quyết cho chị được ly hôn.

- Về con chung: Chị M và anh H có 02 con chung là Quàng Thị Ngọc Q - sinh ngày 10/12/2014 và Quàng Trung K - sinh ngày 21/10/2017. Chị M yêu cầu được trực tiếp nuôi cả hai con, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện chị M có công việc làm thuê tại quán bún đậu và quán phở, thu nhập từ lương là 7.000.000 đồng/tháng đủ để chị chăm sóc, nuôi dưỡng và lo cho các con ăn học. Về chỗ ở sau khi ly hôn chị sẽ về ở cùng với bố mẹ đẻ tại Bản H, phường H, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên.

- Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản gì.

- Về nợ chung: Không có khoản nợ phải trả hay thu về nào.

- Về các vấn đề khác: Không có

Đối với bị đơn: Anh Quàng Văn H không trả lời thông báo thụ lý vụ án; không cung cấp tài liệu chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; vắng mặt không có lý do tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và phiên tòa lần 1, lần 2.

Ngày 16/9/2021 anh H có bản tự khai trong đó thể hiện:

- Về hôn nhân: Anh H thừa nhận anh H và chị M có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện Đ (nay là thành phố Đ), tỉnh Điện Biên vào ngày 27/8/2014. Kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng sống không hạnh phúc. Nguyên nhân là do anh H sử dụng ma túy. Đến tháng 6/2021 anh H sử dụng ma túy và bị công an huyện Đ, tỉnh Điện Biên bắt để điều tra về hành vi mua bán trái phép chất ma túy và hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Đ. Nay chị M làm đơn ly hôn anh cũng đồng ý vì tình cảm vợ chồng không còn.

- Về con chung: Anh H thừa nhận anh H và chị M có 02 con chung là Quàng Thị Ngọc Q - sinh ngày 10/12/2014 và Quàng Trung K - sinh ngày 21/10/2017. Hiện các cháu đều khỏe mạnh, phát triển bình thường và đang sống cùng với chị M. Anh H đồng ý để chị M được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các con vì anh H hiện đang bị tạm giam không thể trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: Anh H thừa nhận vợ chồng không có tài sản gì nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh H thừa nhận không có khoản nợ nào nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về các vấn đề khác: Không có.

Anh H đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt anh vì hiện anh đang bị tạm giam.

** Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:*

Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, HĐXX, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS).

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự: Đối với nguyên đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án đã chấp hành đúng quy định của BLTTDS về quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của BLTTDS. Đối với bị đơn: Về cơ bản đã chấp hành đúng quy định của BLTTDS về quyền và nghĩa vụ của mình. Vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị HĐXX chấp nhận nội dung đơn khởi kiện của chị M, chị M được ly hôn với anh H.

- Về con chung: Đề nghị HĐXX căn cứ Điều 69, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 giao con chung là Quàng Thị Ngọc Q - sinh ngày 10/12/2014 và Quàng Trung K - sinh ngày 21/10/2017 cho chị M chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị M không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

- Về tài sản và nợ: Không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147/BLTTDS; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án chị M phải chịu 300.000 đồng án phí DSST.

Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền xét xử: Chị M khởi kiện yêu cầu ly hôn và giải quyết về con chung khi ly hôn với anh H có nơi cư trú tại Bản N, xã N, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng:

- Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành biện pháp thu thập chứng cứ: Lấy lời khai của đương sự, xác minh về nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp... Do đó, Tòa án đã thông báo cho Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp để cử kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

- Do các đương sự đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa để xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị M và anh H có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện Đ (nay là thành phố Đ), tỉnh Điện Biên (Giấy chứng nhận kết hôn số 51/2014, quyển số 01, ngày 27/8/2014) là hôn nhân hợp pháp.

Về nguyên nhân dẫn đến ly hôn: Các đương sự đều thống nhất nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn là do anh H sử dụng ma túy, không quan tâm đến vợ con. Vợ chồng đã sống ly thân từ cuối tháng 2/2021 cho đến nay, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Việc này đã được UBND xã N, thành phố Đ xác nhận và được thể hiện tại Biên bản vi phạm hành chính số 10 ngày 05/9/2017 của Công an xã N đối với anh H về hành vi Sử dụng trái phép chất ma túy vào ngày 05/9/2017 và hiện đang bị điều tra về hành vi Mua bán trái phép chất ma túy.

Do đó có căn cứ để xác định việc anh H có sử dụng ma túy và vợ chồng chị M, anh H đã sống ly thân từ tháng 2/2021 cho đến nay, không còn quan tâm gì đến nhau, đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng (nghĩa vụ yêu thương, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc nhau...) làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện và giải quyết cho chị M được ly hôn với anh H.

[3.2] Về con chung: Các đương sự thống nhất vợ chồng có 02 con chung là Quàng Thị Ngọc Q - sinh ngày 10/12/2014 và Quàng Trung K - sinh ngày 21/10/2017. Hiện các cháu đều khỏe mạnh, phát triển bình thường và đang ở cùng chị M. Anh H đồng ý với nguyện vọng về con của chị M. Do đó cần chấp nhận ý kiến của các đương sự về con chung. Sau khi ly hôn chị M được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con. Do chị M không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[3.3] Về tài sản và nợ: Do các đương sự thống nhất vợ chồng không có tài sản, khoản nợ nào, không có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Từ những phân tích trên, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ là có căn cứ nên được chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị M phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147, khoản 1, 3 Điều 228, các Điều 238, 271 và khoản 1 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Lường Thị M.

1. Về hôn nhân: Chị Lường Thị M được ly hôn với anh Quàng Văn H.

2. Về con chung: Chị Lường Thị M được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Quàng Thị Ngọc Q - sinh ngày 10/12/2014 và Quàng Trung K - sinh ngày 21/10/2017 cho đến khi các cháu đủ tuổi thành niên hoặc đến khi có thay đổi khác. Không giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về tài sản và nợ: Không có, không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lường Thị M phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0001535 ngày 05/5/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. Chị M đã nộp đủ tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân TP ĐBP;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND xã N, TP ĐBP;
- Chi cục THADS TP ĐBP;
- Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Minh Huệ

